

BÁO CÁO

Sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU về chuyển đổi số

Thực hiện Công văn số 2345/UBND-BCĐ ngày 31/8/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện Ngọc Lặc về việc tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. UBND xã Thúy Sơn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần thứ nhất

Tình hình, kết quả thực hiện chuyển đổi số

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện

- Trên cơ sở về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn xã, đồng thời thực hiện các văn bản chỉ đạo huyện và các hướng dẫn của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện về thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, UBND xã Thúy Sơn đã ban hành các Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã Thúy Sơn có phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thường xuyên được kiện toàn; đồng thời UBND xã đưa ra các chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp xã giai đoạn 2022 - 2025; thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng, đến thời điểm hiện tại đã có 10/10 có Tổ công nghệ số cộng đồng với tổng số 30 thành viên các tổ.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến được quan tâm, chú trọng bằng các hình thức như văn bản, triển khai lồng ghép tại các Hội nghị giao ban của xã, thôn, thông qua hệ thống loa truyền thanh xã, loa phát thanh của thôn và trang thông tin điện tử của xã.

2. Kết quả đạt được

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

a. Chính quyền số

- Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc để trao đổi văn bản điện tử (TDOffice) được kết nối liên thông với các cơ quan đơn vị.

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử; 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản hồ sơ mật theo quy định).

- Hạ tầng kỹ thuật: Hạ tầng CNTT, Internet đảm bảo đến từng cán bộ, công chức. Mạng LAN và WIFI kết nối đến tất cả các máy của cơ quan.

- 100% dịch vụ công có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Việc ứng dụng CNTT tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã: Bộ phận một cửa UBND xã đã ứng dụng CNTT vào tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định, nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của người dân.

- Trang thông tin điện tử của xã hoạt động có hiệu quả, thường xuyên, liên tục cung cấp đầy đủ thông tin tuyên truyền các hoạt động chỉ đạo, điều hành, công khai thủ tục hành chính, minh bạch thông tin, phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của xã.

b. Kinh tế số

- Triển khai dịch vụ hành chính công, hướng dẫn mở tài khoản cho đối tượng Người có công, bảo trợ xã hội bằng việc chuyển tiền qua tài khoản.

- Tuyên truyền hiệu quả đến các cửa hàng kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể sử dụng nền tảng hoá đơn điện tử.

- Tuyên truyền, hướng dẫn đến hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tham gia sàn giao dịch điện tử nông sản Thanh Hóa; voso, posmart, nông sản thanh hóa.

c. Xã hội số

- Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ, công chức cấp xã có tài khoản định danh điện tử mức độ 1, mức độ 2; được cài đặt, kích hoạt trên ứng dụng VNeID; sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID đã có để truy cập vào Cổng dịch vụ công Quốc gia đạt 100%.

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến 100% số thôn trên địa bàn.

- Cơ quan xã, Trạm Y tế xã, 04 trường học, các thôn đã lắp đặt wifi miễn phí phục vụ người dân truy cập internet.

- Trên 50% người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã được phổ biến về các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số trên môi trường mạng; ứng dụng công nghệ số trong các ngành, nghề, lĩnh vực; quảng bá, bán sản phẩm trên mạng.

(Có Phụ lục kèm theo)

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

a. Nhận thức số

- Làm tốt công tác tuyên truyền Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn xã bằng các hình thức tạo pano trên Trang thông tin điện tử xã; treo băng zôn vượt đường, lồng ghép các hội nghị tại xã.

- Tuyên truyền vận động cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng các thôn và Nhân dân trên địa bàn xã tham gia Kênh truyền thông

"Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo và nhấn chọn "Quan tâm" để theo dõi cập nhật tin tức

b. Thể chế số

- Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND huyện, hướng dẫn của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, UBND xã Thúy Sơn đã ban hành các Quyết định, kế hoạch, công văn hướng dẫn để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- BCD chuyển đổi số xã đã được thành lập theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND xã Thúy Sơn về việc Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã Thúy Sơn.

- Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo:

+ Giúp UBND xã, Chủ tịch UBND xã Chỉ đạo cán bộ, công chức; các ngành, đoàn thể có liên quan cấp xã và các thôn trên địa bàn xã thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chương trình, kế hoạch quan trọng về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

+ Sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của UBND xã, Chủ tịch UBND xã giao.

+ Làm đầu mối tổng hợp, báo cáo số liệu liên quan đến chuyển đổi số trên địa bàn xã, đến các cơ quan chuyên môn cấp trên theo quy định.

c. Hạ tầng số

- Mạng nội bộ kết nối kết nối internet đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cấp độ 1 theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ (Ngày 22/12/2022 Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định QĐ số 674/QĐ-STTTT về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ tại UBND xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc).

- Hệ thống phòng họp trực tuyến: duy trì hiệu quả phòng họp trực tuyến tại xã; hệ thống hội nghị trực tuyến đảm bảo kết nối liên thông từ xã đến điểm cầu huyện, tỉnh, Trung ương.

- Hạ tầng viễn thông: Tổng số trạm BTS trên địa bàn xã là 06 trạm (Viettel: 03 trạm, VNPT: 03 trạm), hệ thống mạng cáp quang, mạng 3G/4G phủ sóng đến các thôn trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức đạt 01 máy tính/01 cán bộ công chức (100%) đảm bảo phục vụ cho công tác chuyên môn, tham mưu văn bản điện tử và tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.

d. Dữ liệu số

Duy trì, thực hiện có hiệu quả các cơ sở dữ liệu do các Bộ, ngành triển khai như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử công vụ; cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử; Trang thông tin điện tử xã,...

đ. Nhân lực số

- UBND xã giao cho công chức Văn phòng, Văn hóa phụ trách việc triển khai ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan.

- Lãnh đạo chủ chốt, các thành viên BCD chuyển đổi số của xã và tổ công nghệ số cộng đồng các thôn được tập huấn nhận thức, kỹ năng về CNTT, chuyển đổi số.

e. An toàn thông tin mạng

- Tăng cường Quản lý và sử dụng hộp thư công vụ, mail công vụ thay thế các thư thông thường khác.

- Sử dụng có hiệu quả Chứng thư số cơ quan và của lãnh đạo đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin mạng trong gửi, nhận văn bản điện tử và chứng thực điện tử.

f. Chính phủ số

- Thực hiện tốt các ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, đặc biệt là phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin một cửa điện tử, thư điện tử công vụ.

- Tuyên truyền khai thác sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử cấp xã, giảm thời gian, chi phí và thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử xã đảm bảo quy định, bổ sung thêm chuyên mục Chuyển đổi số trên trang.

i. Kinh tế số

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng, sàn giao dịch điện tử như: posmart.vn, voso.vn,... ;

- Tuyên truyền ứng dụng Thuế điện tử cá nhân, hoá đơn điện tử đến các hộ kinh doanh trên địa bàn.

k. Xã hội số

- Triển khai mô hình camera an ninh tại nhà Văn hóa - Khu thể thao các thôn.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ thành viên tổ công nghệ số cộng đồng, nhân dân mở tài khoản thanh toán điện tử để sử dụng để thanh toán các dịch vụ thiết yếu; cài đặt và sử dụng sổ khám sức khỏe điện tử; tổ chức triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ứng dụng dữ liệu về

dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia đảm bảo theo yêu cầu.

3. Đánh giá chung

a. Ưu điểm

- Cấp ủy Đảng, chính quyền đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử hướng tới xây dựng chính quyền số; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần luôn đạt chỉ tiêu; phòng họp trực tuyến được duy trì thường xuyên và phát huy hiệu quả.

- Các hộ kinh doanh, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã từng bước ứng dụng công nghệ số đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, mở rộng thị trường góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập giảm nghèo hiệu quả, đời sống của nhân dân.

- Hạ tầng viễn thông được quan tâm nâng cấp và phủ sóng rộng khắp trên địa bàn xã.

b. Khó khăn

- Việc ứng dụng CNTT của một số cán bộ công chức cấp xã còn chưa đồng đều, chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT tại cơ quan chủ yếu làm việc kiêm nhiệm.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp tham gia giải quyết thủ tục hành chính qua Cổng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ BCCI chưa nhiều.

- Chất lượng hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng chưa cao, vì chủ yếu là cán bộ thôn không được đào tạo bài bản về CNTT.

c. Nguyên nhân

*** Nguyên nhân khách quan**

- Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin chưa đáp ứng đủ nhu cầu

của cán bộ, công chức tại cơ quan và các doanh nghiệp, người dân khi đến giao dịch công việc

- Nguồn kinh phí của địa phương chưa bố trí được nguồn kinh phí để đầu tư thêm các trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Trình độ kỹ năng về ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức phục vụ công tác chuyển đổi số tại địa phương hạn chế, do không được đào tạo bài bản, hiện nay chỉ là kiêm nhiệm và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công.

- Một số bộ phận cán bộ, doanh nghiệp, người dân chưa hiểu rõ về tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

- Trình độ dân trí chưa đồng đều dẫn đến hiệu quả ứng dụng CNTT vào cuộc sống chưa cao.

Phần thứ hai

Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục thực hiện các năm tiếp theo

1. Dự báo tình hình

Chuyển đổi số với 3 trụ cột là Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số có tác động đến mọi cơ quan, đơn vị và địa phương, do đó, phải lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu, là động lực của chuyển đổi số. Người dân, doanh nghiệp cũng phải tham gia quá trình chuyển đổi số. Cần phải có tư duy đột phá với tầm nhìn chiến lược, có giải pháp, cách làm phù hợp, nhưng phải bám sát thực tiễn để xây dựng chương trình, kế hoạch có trọng tâm, trọng điểm. Trong đó cần tập trung thúc đẩy thực hiện xây dựng Chính quyền số để tạo đà và định hướng, dẫn dắt, quản lý, hỗ trợ kinh tế số và xã hội số phát triển. Chuyển đổi số để góp phần thay đổi tổng thể và toàn diện tổ chức, cá nhân về cách sống, cách làm việc, phương thức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dựa trên công nghệ số, trọng tâm là phát triển và quản lý dữ liệu.

2. Nhiệm vụ còn lại

- 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện qua phần mềm Một cửa điện tử.

- Trên 70% thủ tục hành chính ở UBND xã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- 70% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng.

3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

- Đầu tư nâng cấp mạng nội bộ và hạ tầng CNTT đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ đáp ứng mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số; đảm bảo 100% cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy vi tính, được kết nối Internet trong quá trình giải quyết công việc.

- Duy trì tốt hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TDoffice); phần mềm Một cửa điện tử.

- Tuyên truyền doanh nghiệp và người dân tích cực sử dụng Dịch vụ công trực tuyến trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử xã, mạng xã hội Zalo về hiệu quả và lợi ích khi ứng dụng CNTT.

- Duy trì hoạt động của 10/10 tổ công nghệ số cộng đồng, thường xuyên tạo điều kiện cho các thành viên các tổ tham gia các hoạt động đào tạo, tập huấn để được cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng các nền tảng số, công nghệ số; đẩy mạnh tuyên truyền, lan tỏa thông tin về mục đích, ý nghĩa và lợi ích mà chuyển đổi số đem lại; hướng dẫn kỹ năng sử dụng, hỗ trợ giải đáp thắc mắc về các nền tảng số, công nghệ số cho người dân sinh sống trên địa bàn xã.

- Đẩy mạnh tuyên truyền người dân, doanh nghiệp sử dụng kênh thanh toán không dùng tiền mặt để giao dịch trực tuyến.

- Sử dụng hiệu quả Đài truyền thanh xã trong công tác tuyên truyền các nội dung về chuyển đổi số.

- Duy trì, phát triển Trang thông tin điện tử của xã.

4. Đề xuất kiến nghị

- Đề nghị cấp trên có nguồn hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số cấp xã.

- Thường xuyên tập huấn ứng dụng CNTT cho cán bộ công chức cơ quan xã và các tổ công nghệ số cộng đồng các thôn.

- Hỗ trợ kinh phí cho việc nâng cấp trang thiết bị CNTT phục vụ cho công tác chuyên môn.

Trên đây là báo cáo sơ kết 02 năm (2022, 2023) về chuyển đổi số thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xã Thúy Sơn./.

Nơi nhận:

- UBND Huyện (b/c);
- TT. Đảng uỷ (b/c);
- CT. UBND, các PCT UBND;
- UB. MTTQ và các đoàn thể xã (Ph);
- Các thôn, Trường, trạm y tế (Th);
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Chóng

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ 02 NĂM 2022 - 2023 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THÚY SƠN
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2023 của UBND xã Thúy Sơn)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả đạt được	Ghi chú
1	Chính quyền số				
1.1	Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số theo giai đoạn và hằng năm.	Văn bản	Có	Đạt	
1.2	Lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử.	%	100%	Đạt	
1.3	Các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).	%	100%	Đạt	
1.4	Cán bộ, công chức xã có hộp thư điện tử công vụ của các cơ quan Nhà nước cấp.	%	100%	Đạt	
1.5	Hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận, cập nhật, xử lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.	%	100%	Đạt	
1.6	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến.	%	100%	Đạt	
1.7	Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ chính quyền cấp xã giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân.	Kênh giao tiếp	Có	Chưa hoàn thành	

1.8	Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả.	Hệ thống	Sử dụng hiệu quả	Chưa hoàn thành	
1.9	Trang thông tin điện tử hoạt động tuân theo quy định Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Có trang	Cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định	Đạt	
1.10	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan.	%	100%	Đạt	
1.11	Triển khai các nền tảng công nghệ, ứng dụng phòng, chống dịch theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông.	Nền tảng	Triển khai sử dụng	Đạt	
2	Kinh tế số 2				
2.1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.	%	100%	Đạt	

2.2	Các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế của xã, sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...).	%	100%	Đạt	
2.3	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất có sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế được đưa lên sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác.	%	100%	Chưa hoàn thành	
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử	%	60%	Chưa hoàn thành	
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	%	60%	Chưa hoàn thành	
2.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	%	60%	Chưa hoàn thành	
3	Xã hội số				
3.1	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được thông tin, tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản	%	60%	Đạt	

3.2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%	65%	Chưa hoàn thành	
3.3	Người dân được thông tin, tuyên truyền để bảo vệ an toàn thông tin trên môi trường mạng.	Tin bài	Có nội dung tuyên truyền, hội nghị và trên Facebook	Đạt	
3.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	%	70%	Đạt	
3.5	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được cập nhật, bổ sung thông tin thường xuyên	%	95%	Đạt	
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa.	%	10%	Chưa hoàn thành	
3.7	Các trường tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	%	60%	Chưa hoàn thành	
3.8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục và đào tạo chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt .	%	50%	Chưa hoàn thành	
3.9	Số lượng người dân có tài khoản định danh điện tử .	%	100%	Đạt	

3.10	Tỷ lệ dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	%	30%	Chưa hoàn thành	
3.11	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến .	%	20%	Chưa hoàn thành	
3.12	Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	%	60%	Chưa hoàn thành	
4	Hạ tầng số	%			
4.1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G được phủ đến các hộ gia đình .	%	100%	Đạt	
4.2	Hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại UBND xã đáp ứng phương án đảm ATTT theo cấp độ đã được phê duyệt.	Hệ thống	Đáp ứng	Đạt	
4.3	100% CBCC có máy tính phục vụ công việc.	%	100%	Đạt	
4.4	Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ cấp xã đến cấp huyện, tỉnh và Trung ương (Khuyến khích đến cấp thôn).	Hệ thống	Có	Đạt	

4.5	Có điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng trong xã tùy thuộc điều kiện (như tại UBND xã, nhà văn hoá, các điểm du lịch,...).	Điểm phát	Có	Đạt	
4.6	Có hệ thống Camara an ninh được kết nối đến UBND xã hoặc công an xã để quản lý và giám sát.	Hệ thống	Có	Chưa	
4.7	Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông - CNTT .	Đài	Có	Đạt	
4.8	Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số.	Điểm	Có	Đạt	